

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH LIÊN THÔNG NĂM 2019

1. Thông tin chung về trường

1.1 Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được thành lập theo quyết định số 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khoa Y-Nha-Dược Trường Đại học Cần Thơ được thành lập từ năm 1979.

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Địa chỉ trường: số 179 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.ctump.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Đại học	
	GD chính qui	GDTX
Nhóm ngành VI	18 NCS, 117 CH, 7299 ĐH	2721 ĐH

2. Phương án tuyển sinh hệ liên thông chính quy và VLVH năm 2019

Thực hiện Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xây dựng phương án tuyển sinh liên thông đại học từ năm 2019, cụ thể:

2.1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước.

2.2. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh là công dân Việt Nam đang làm việc tại các cơ sở y tế được tham gia dự tuyển sinh. Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe tại Việt Nam phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

2.3. Điều kiện dự tuyển

a) Về trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc văn hóa tương đương.

b) *Về trình độ chuyên môn*: tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cụ thể

- Thí sinh dự thi Y khoa phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Y sĩ hoặc Y sĩ đa khoa.

- Thí sinh dự thi Y học cổ truyền phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền hoặc Y sĩ hoặc Y sĩ định hướng Y học cổ truyền hoặc Y sĩ Y học dân tộc.

- Thí sinh dự thi Dược học phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Dược sĩ.

- Thí sinh dự thi Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Điều dưỡng, nếu tốt nghiệp Y sĩ trung cấp phải có thêm chứng chỉ đào tạo chuyển đổi thành Điều dưỡng trung cấp theo chương trình của Bộ Y tế do các cơ sở đào tạo (các trường trung cấp hoặc đại học) được Bộ Y tế cho phép cấp.

- Thí sinh dự thi Điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Hộ sinh.

- Thí sinh dự thi Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Gây mê hồi sức, nếu tốt nghiệp trung cấp Điều dưỡng phải có thêm chứng chỉ Gây mê hồi sức do các cơ sở đào tạo cấp.

- Thí sinh dự thi Kỹ thuật Xét nghiệm y học phải có bằng tốt nghiệp trung cấp Xét nghiệm y học.

- Các ngành khác phải có bằng tốt nghiệp trung cấp đúng ngành dự thi.

c) *Thâm niên chuyên môn*: liên thông từ trung cấp lên đại học thí sinh có thời gian làm việc liên tục đúng ngành đào tạo **từ 12 tháng trở lên** (tính từ khi ký hợp đồng lao động hoặc có quyết định tuyển dụng tính đến ngày 01 tháng 7 hàng năm).

d) *Điều kiện khác*:

- Thí sinh dự tuyển phải có chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực y tế và bảo hiểm xã hội.

- Thí sinh nộp đủ hồ sơ đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia tại Sở Giáo dục và Đào tạo theo qui định; và nộp hồ sơ về Trường để đăng ký xét tuyển/thi tuyển theo thông báo của trường.

Đối với thí sinh là người nước ngoài xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe tại Việt Nam.

2.4. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT quốc gia của ba môn Toán, Sinh và Hóa (không nhân hệ số). Nếu nhiều thí sinh đồng điểm xét tuyển, ưu tiên chọn môn Toán xét tuyển từ điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu.

Thí sinh là người nước ngoài xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt.

2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh

Hệ liên thông chính quy:

Ngành	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu
- Y khoa	4 năm	170
- Y học dự phòng	4 năm	18
- Y học cổ truyền	4 năm	18
- Răng hàm mặt	4 năm	18
- Dược học	4 năm	20
Tổng cộng		244

Hệ liên thông vừa làm vừa học:

Ngành	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu
- Điều dưỡng	3 năm	12
- Điều dưỡng phụ sản	3 năm	
- Điều dưỡng Gây mê hồi sức	3 năm	
- Y tế công cộng	3 năm	6
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học	3 năm	16
Tổng cộng		34

Chỉ tiêu đào tạo ưu tiên đào tạo theo nhu cầu của địa phương đăng ký với trường; đặc biệt cho tuyến y tế cơ sở, vùng biên giới, hải đảo, thí sinh công tác chuyên ngành hiếm.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:

- Tổng diện tích đất của trường: 31,06 ha.
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 25.278 m².

3.1.2 Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Cơ sở thực hành của trường có hơn 31 cơ sở trong đó có 14 Bệnh viện lớn và các bệnh viện chuyên khoa như: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Đa khoa TƯ Cần Thơ, Đa khoa TP. Cần Thơ; Nhi đồng Cần Thơ, Phụ sản Cần Thơ, Ung bướu Cần Thơ, Da liễu Cần Thơ, Mắt-Răng hàm mặt, Lao và Bệnh phổi, Y học cổ truyền, Tâm thần, Đa khoa Vĩnh Long...; Trung tâm Y tế Dự phòng: Cần Thơ, Ninh Kiều, Ô Môn, Cái Răng, Trung tâm Y tế dự phòng Châu Thành, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường Cần Thơ, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Chi cục Dân số-KHHGD, Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm, các trạm y tế trong và ngoài thành phố Cần Thơ (có gần 250 giảng viên cơ hữu làm việc 100% thời gian ở các bệnh viện để giảng dạy lâm sàng cho sinh viên và tham gia công tác khám, chữa bệnh).

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành khoa học cơ bản	10	TTB hiện đại các BM Hóa, Lý sinh, Sinh - Di truyền, Tin học, Ngoại ngữ
2	Phòng thực hành tiền lâm sàng	08	Đầy đủ các chủng loại mô hình phục vụ giảng dạy mô phỏng. Các mô hình từ đơn giản đến mô hình đa chức năng.
3	Phòng thí nghiệm, thực hành	94	Phòng thí nghiệm, thực hành các môn cơ sở ngành các Khoa: Y, RHM, Dược, Điều dưỡng – KTYH, YTCC.

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Tên	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	14
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	51
4	Phòng học từ dưới 50 chỗ	04
5	Phòng học đa phương tiện	02

Tất cả hội trường và phòng học được trang bị cố định máy tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập.

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	16.751

3.2 Giảng viên cơ hữu (Nhóm ngành VI)

Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
GS	PGS	ĐH	ThS	TS	TSKH
2	23	63	270	51	0

Nơi nhận:

- Các Đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC CẦN THƠ
Nguyễn Trung Kiên